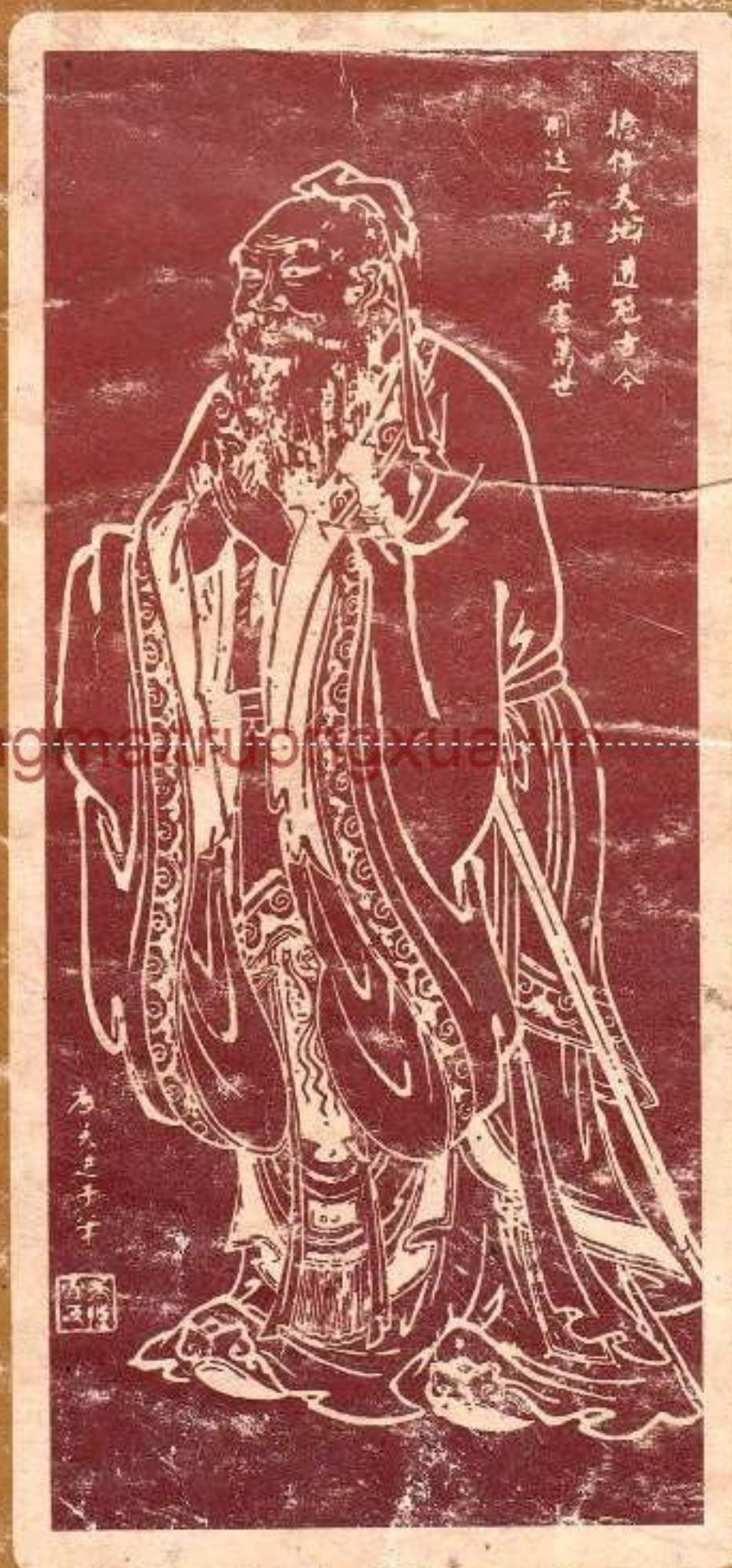


TRẦN · TRỌNG · KIM

NEO GIÁO

QUYỂN
THƯỢNG

儒
教



BỘ GIÁO-DỤC ★ TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU ★ XUẤT BẢN

Lê - Thân

Trần - Trọng - Kim

NHO GIÁO

QUYỂN
THƯỢNG

BỘ - GIÁO - DỤC
TRUNG-TÂM
HỌC-LIỆU
xuất - bản
1971

thuongmaitrungxua.vn

• THƯỜNG-CƠ THỜI-ĐẠI

• XUÂN-THU THỜI-ĐẠI

• KHÔNG-TỬ

• HỌC-THUYẾT CỦA KHÔNG-TỬ

• NHỮNG SÁCH CỦA KHÔNG-TỬ

• MÔN - ĐỆ KHÔNG - TỬ

• CHIẾN-QUỐC THỜI-ĐẠI

• MẠNH - TỬ

• TUÂN - TỬ

• CUỐI ĐỜI CHIẾN-QUỐC VÀ
ĐỜI NHÀ TẦN

• THỜI-KỶ TRUNG - SUY
CỦA NHO - GIÁO

BỘ GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

Lần thứ nhất, 1971 : 20.000 cuốn

(Thêm Sách-dẫn)



Lê-thần TRẦN-TRỌNG-KIM
(1882 — 1953)

MỤC - LỤC

	TRANG
TỰA	vii-viii
LỜI PHÁT - ĐOAN	ix - xxxii
THIÊN I. Thượng-cổ thời-dại	1 - 12
THIÊN II. Xuân-thu thời-dại — Khổng-tử	13 - 30
THIÊN III. Học-thuyết của Khổng-tử	
A. Hình-nhi-thượng học	31 - 68
THIÊN IV. B. Hình-nhi-hạ học	69 - 148
THIÊN V. Những sách của Khổng-tử	149 - 164
THIÊN VI. Môn-đệ Khổng-tử	165 - 168
THIÊN VII. Chiến-quốc thời-dại	
Các học-phái của Nho-giáo	169 - 184
THIÊN VIII. Mạnh-tử	185 - 226
THIÊN IX. Tuân-tử	227 - 304
THIÊN X. Cuối đời Chiến-quốc và đời nhà Tần. Thời-kỳ Trung-suy của Nho-giáo	305 - 320

TỰA

Một cái nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa-sang, đề đến nỗi bị cơn gió bão đánh đổ bẹp xuống. Những người xưa nay vẫn ở cái nhà ấy, ngơ-ngác không biết làm thế nào. Dẫu có muốn dựng lại, cũng không dựng được, vì người không có mà của cũng không. Vả thời-thế đã xoay-vặn, cuộc đời biến-đổi, người trong nước đang háo-hức về sự bỏ cũ theo mới, không ai nghĩ gì đến cái nhà cổ ấy nữa. Song cái nhà cổ ấy tự nó là một bảo-vật vô giá, không lẽ đề đồ-nát đi, mà không tìm cách giữ lấy di-tích. Không gì nữa, thì ta cũng vẽ lấy cái bản-đồ đề người đời sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp-đẽ là thế, mà sau đồ-nát là thế. Ấy cái tình-cảnh văn-hóa của Nho-giáo hiện thời bây giờ cũng như cái nhà cổ ấy vậy.

Việc làm quyền sách nói về Nho-giáo tức là việc vẽ lấy cái bản-đồ của Nho-giáo. Đáng lẽ là việc của những người đã sinh-trưởng trong cái không-khí Nho-giáo, đã tiêm-nhiễm cái tinh-thần Nho-giáo. Nhưng khốn thay, người đời lãnh-đạm, ai nấy thấy cái học cũ đã đồ thì thôi, không ai lưu ý đến nữa. Vậy nên chúng tôi vì chút lòng hoài cổ, không quản sự khó-khăn, không sợ việc to-lớn, đem cái sức nhỏ-mọn mà tự nhận lấy việc làm sách này, đêm ngày tìm-kiếm, nghĩ-ngợi, cố tả cho rõ cái chân-tướng của Nho-giáo, đề họa may có bổ-ích cho sự học của người mình được chút nào chẳng. Dẫu tả không được đúng cái chân-tướng ấy cho lắm, nhưng cũng là một việc làm đề giữ lấy di-tích về sau. Chúng tôi nghĩ như thế, cho nên phải gắng sức tạm nhận lấy cái gánh nặng, chủ-đích là đề cho những kẻ hậu-học sau này, ai muốn biết cái tinh-thần của xã-hội ta khi xưa bởi đâu mà sinh ra, và cái tinh-thần ấy về sau tại làm sao mà hư-hỏng đi. Tưởng đó là một điều rất mật-thiết đến việc học ngày nay.

Vì rằng việc tiến-hóa của một dân-tộc không phải là chỉ cần lấy học cho biết cái biết của người mà thôi, lại cần phải biết rõ những cái của mình đã có, để đem dung-hòa cái mới với cái cũ mà gây thành ra cái tinh-thần mới, có thể thích-hợp với hoàn-cảnh của mình, thích-hợp với trình-độ và tâm-tính của mình. Đó là sự mong-mỏi của chúng tôi, tấm lòng thành-thực cứ đĩnh-ninh như thế vậy.

Đã nói rằng quyền sách này tựa cái bản-đồ vẽ cái nền Nho-giáo cũ, thì dấu hay dở thế nào mặc lòng, cốt nhất là phải vẽ cho đúng. Vậy nếu trong sách này chúng tôi thường trích-lục những lời nguyên-văn của thánh-hiền đã ghi chép trong các Kinh Truyện cùng những điều của tiên-nho lưu-truyền ở trong các sách-vở, đem phiên-dịch ra quốc-âm cho rõ-ràng, để làm minh-chứng cho cái học-thuyết của Nho-giáo. Còn những lời nghị-luận, thì chúng tôi vẫn cố giữ thái-độ khách-quan mà nói, chứ không theo ý riêng mà làm mờ-tối mất sự thực. Gián hoặc có điều gì không được chính-đáng, ấy cũng là xuất ư ý ngoại, xin độc-giả thể tình mà dung-thứ cho.

Trước khi đem xuất-bản quyền sách này, chúng tôi xin có lời cảm tạ hai ông bạn là ông Phó-bảng Bùi Kỳ và ông Cử Trần Lê Nhân đã giúp-đỡ chúng tôi trong khi khảo-cứu, thường gặp những chỗ khó hiểu, cùng nhau bàn-bạc được rõ hết mọi ý-nghĩa.

Làm quyền sách này, bản-ý của chúng tôi là mong bày-tỏ được cái đạo của thánh-hiền ra, dấu mất bao nhiêu công-phu cũng không ngại, miễn là được thỏa tấm lòng lạc đạo thì thôi, trước sau chỉ một niềm cúc cung tận tụy về việc học. Ước-ao rằng cái công-phu này không đến nỗi bỏ uổng vậy.

TRẦN TRỌNG KIM

LỜI PHÁT ĐOAN

Thường những công-cuộc của người ta đã thiết-lập ra là bao giờ cũng phải có cái tinh-thần và cái hình-thức. Tinh-thần là phần linh-hoạt ở trong, mà hình-thức là phần hiển-hiện ra ngoài. Hai phần ấy phải điều-hòa với nhau, phải nương-tựa vào nhau thì mới hoàn-toàn được. Thi-dụ: Lễ thì phải có kính là tinh-thần, mà nghi-tắc là hình-thức; nhạc là phải có hòa là tinh-thần, mà chuông-trống là hình-thức. Nếu có lễ mà không có nghi-tắc thì biết thế nào là lễ; có nhạc mà không có chuông-trống thì lấy gì làm nhạc. Hoặc là dùng lễ có đủ nghi-tắc mà không có kính, dùng nhạc có đủ chuông-trống mà không có hòa, thì lễ và nhạc chỉ là hư-văn mà thôi, không có nghĩa-lý gì cả. Một học-thuyết, một tông-giáo cũng vậy, nếu trong hai phần ấy mà người ta chỉ chuyên-trọng về một phần nào, thì phần kia tất phải hư-hỏng mà dấu việc hay đến đâu rồi cũng hóa ra dở.

Nước Việt-nam ta xưa kia tôn-sùng Nho-giáo, cho là chính-đạo độc tôn. Luân-lý, phong-tục, chính-trị, bất cứ việc gì cũng lấy Nho-giáo làm cốt. Nhưng vì những người theo Nho-học xưa nay thường hay trọng cái hình-thức bề ngoài thái quá, để đến nỗi cái tinh-thần sai-lầm đi mất nhiều. Cách học-tập của người mình lại chỉ vụ lấy từ-chương, chuyên về khoa-cử để làm cái thang lợi-danh. Vậy nên học-thuyết của Khổng-Mạnh càng ngày càng hư-hỏng, thành ra chỉ có danh mà không có thực.

Những người học-thức trong nước mà tri-lự hẹp-hòi, tinh-thần kém-cỏi thì nhân-chúng tiến-hóa làm sao được?

Vả số nhiều người mình lại cứ quen một mặt thuận-thu, theo cái khuôn nhất-định của tiền-nhân để lại. Việc phải-trái hay-dở thể nào, cũng chỉ ở trong cái khuôn đó, chứ không chệch ra ngoài được, sự phê-bình phán-đoán càng ngày càng hẹp lại, không biết còn có tư-tưởng gì khác nữa mà so-sánh cái hơn, cái kém, thành ra như giống sên, giống ốc, cứ yئن phân nằm trong cái vỏ cứng không thay-đổi được gì cả. Phàm những sự-vật, bất cứ sự-vật gì, hễ không thay đổi là hư-hỏng. Đến khi thời-thế biến-đổi, bỗng chốc có cái tư-tưởng mới, cái thế-lực khác tràn vào, mà nhất là cái thế-lực ấy lại mạnh hơn và hoạt-động hơn, thì làm thế nào mà đứng được? Người trong nước lúc ấy như đang ngủ mê, thức giấc dậy, ngỡ-ngác không biết xoay-xở ra thế nào. Lúc đầu còn tìm cách kháng-cự lại, sau thấy càng cự-cay bao nhiêu lại càng bị đè bẹp xuống bấy nhiêu, thế bất-đất-đĩ mới đành chịu bẹp. Dần dần tỉnh ra, thấy người ta phú-cường lắm-liệt, mà mình thì cứ suy-nhược mãi đi, rồi lại thấy thiên-hạ ai biết bỏ cũ theo mới thì cũng được cường-thịnh, bấy giờ mới khởi-xướng lên việc bắt-chước người ta mà thay-đổi mọi đường. Trừ những người có quyền-lợi riêng, không muốn thay-đổi, có bâu lấy cái vỏ cũ để cho toàn danh-phận, hoặc những người nghèo-khổ ngu-dại ở chỗ thôn-dã, mờ-mờ, mịt-mịt, chẳng biết việc đời là việc chi chi, còn ai đã hơi có kiến-thức một đôi chút, là đánh trống khua mõ, rủ nhau làm những việc cải-cách trong nước. Ai cũng yئن tri rằng cái văn-hóa cũ của mình không ra gì, cho nên xã-hội mình mới suy-đổi, thì chỉ bằng đem bỏ cả đi mà theo cách duy-tân. Từ đó mới gây thành phong-trào bỏ cũ theo mới. Cái phong-trào ấy mỗi ngày một mạnh, đến nỗi mới độ vài ba mươi năm nay, mà cái tinh-thần văn-hóa cũ của ta đã mai-một đi mất nhiều lắm rồi. Thậm chí những nhà dòng-dôi thi-lễ, trước còn không chịu theo tân-học, nay lại tự mình bài-bác các cái học cũ kịch-liệt hơn những người thường.

Có một điều nên lấy làm lạ, là tại sao một cái học-thuyết mà mình đã sùng-thượng hơn hai nghìn năm nay, và đã duy-trì xã-hội mình từ thượng-cổ đến bây giờ, mà bỗng

chốc đồ-nát chông như thế. Thiết-tưởng ta có thể tìm cái duyên-do bởi từ đâu mà ra, và xét xem cuộc biến-đổi ngày nay hay dở thế nào.

Duyên-do sở-dĩ tại làm sao mà người mình bỏ cái học cũ chông như thế, là bởi nhiều lẽ, ta có thể phân-giải được như sau này : nguyên từ xưa trong nước chỉ trọng nghề văn-học, lấy khoa-cử mà cất-nhắc người lên làm quan làm tư. Khoa-cử lại chỉ lấy Nho-giáo làm cốt, chứ không có cái học gì khác nữa. Trong nước thì công-nghệ không có, thương-mại không ra gì, trừ cái nghề đi học để thi đỗ làm quan ra, thì chỉ có nghề canh-nông là cái thực-nghiệp của dân. Dân làm ruộng ở nhà quê, thường lại là người hèn-hạ, phải chịu sưu-thuế và việc vua việc quan, đầu tắt mặt tối, không có quyền-lợi gì. Vậy nên ai là người có thiên-tư hơi khá một tí, muốn chiếm được chút địa-vị tôn-qui trong xã-hội thì chỉ có nghề đi học. Mà sự học của ta ngày trước tuy nói chuyên-trị các Kinh Truyện của thánh-hiền, nhưng kỳ thực chỉ mài-miệt làm câu văn cho hay, nhớ chữ sách cho nhiều, và biết cho đủ lễ-lối để đi thi được đỗ. Khi đã đỗ rồi là người hiền-đạt, có danh-vọng trong làng, trong nước. Vậy nên ai cũng đua nhau về việc học. Đến nay thời-cực đã biến-đổi, khoa-cử bỏ đi rồi, sự học cũ không phải là cái cầu ở con đường sĩ-hoạn nữa, thì Kinh Truyện xếp lại một chỗ, mà đạo thánh-hiền cũng chẳng ai nhắc đến nữa. Đạo Nho kết-quả đến đó cơ-hồ sắp hết vậy.

Song đó mới là cái thế-lực bề ngoài, còn về phần thâm-thủy ở trong, thì một dân chuyên làm nghề canh-nông như dân ta, là chỉ vụ lấy sự hòa-bình, cốt thế nào cho ở trong nhà cha hiền con thảo, anh nhường em kính, ra ngoài đối với mọi người thì cầu lấy lễ-nghĩa để sự giao-thiệp được êm-ái hòa-nhã là đủ. Việc cư-xử làm ăn chỉ chủ ở cách giản-dị, không muốn có điều gì khó-khăn, miễn là được an-nhàn thì thôi. Ấy là thái-độ rất thích-hợp với tinh-cách hiếu tĩn, không hiếu động của phần nhiều người mình. Việc chính-trị cũng vậy, vua quan không ai muốn những sự

phiền-phức, sợ làm nhiều dân. Phàm cử-chỉ hành-động, cái gì cũng muốn thông-thả ung-dung cho ra cái cảnh-tượng thái-bình, bởi thế cho nên sự cần-dùng rất ít, mà sự tiến-hóa cũng không có gì, chỉ cần theo cái luân-lý của Nho-giáo, để giữ lấy cái nền hiểu-nghĩa trung-tin, cốt cho xã-hội được yên-trị thì thôi. Nay cái phong-trào tân-học mạnh lên, người ta ai cũng đua nhau tranh khôn tranh khéo, để chiếm giữ lấy quyền-lợi, chứ không chuộng những điều đạo-đức, nhân-nghĩa cho lắm. Người mình trông thấy thế, tưởng rằng giữ cái thái-độ cũ không được, phải theo thời mà biến-đổi, cho cái văn-hóa cũ là dở, muốn trừ-bỏ đi, để theo cái văn-hóa mới cho kịp người ta. Cái văn-hóa cũ của ta nhán thế mà mai-một chóng lên mấy phần.

Trong khi những thân-sĩ trong nước háo-hức muốn bỏ cũ theo mới như thế, bọn thiếu-niên tân-học, phần thì thấy những bậc phụ-huynh chê-bai cái học cũ của mình, phần thì không biết rõ cái tinh-thần cái học ấy hay-dở thế nào, chỉ thấy lắm điều câu-thức khó chịu, lại càng đem lòng khinh-bĩ văn-hóa cũ hơn nữa, cho là hủ-bại, không thích-hợp với cảnh-ngộ đương thời. Lại gia dĩ bọn ấy khi-huyết đang hăng, đang thích những sự tự-do bình-đẳng v.v... và lại được theo lối tân-học, sự tri-thức rộng hơn gấp mấy phần những người cựu-học, cho nên không ai ngờ có cái hay, cái tốt của sự học cũ ngày trước mà đoái-hoài đến nữa. Bọn thiếu-niên ấy ai đi học đã thành-đạt rồi, đều chiếm được cái địa-vị, dẫu thế nào mặc lòng, cũng đủ làm cho nhân-chúng qui-trọng. Bởi vậy cho nên người trong nước ai có con em cũng cố cho theo đòi chút tân-học, để hòng đường lập nên danh-phận: Đã hay rằng cách sinh-nhai ở đời không thể không được, nhưng đó cũng là một cái căn-do làm cho chóng mất cái văn-hóa cũ vậy.

Lại còn một lẽ nữa làm cho người ta ai cũng muốn bỏ chóng hết cái lưu-tệ của văn-hóa cũ, là theo học-thuyết của Nho-giáo thì phân ra tôn-ti trật-tự rất nghiêm. Ai đã được giữ cái địa-vị tôn-qui ở trên, thì có quyền được bắt người ti-hạ ở dưới phải kính-trọng mà phục-tùng mình. Song phải cần một

điều là người trên phải có tài-đức xứng-đáng, ai cũng kính-phục, thì cái trật-tự ấy dẫu tôn-nghiêm thế nào, người ta cũng không ai ta-thán. Nếu tài-đức người trên mà không đủ làm cho người ta kính-phục nữa, thì càng giữ trật-tự ấy bao nhiêu, người ta lại càng cho là trái lẽ và khó chịu bấy nhiêu. Nhất là ở vào thời-đại này, mới cũ chưa rõ hẳn ra thế nào, nhiều người ngờ rằng cái trật-tự cũ làm ngăn-trở cho sự tiến-hóa, cho nên muốn bỏ đi, để theo cái mới, họa may có được phần hay hơn chăng. Bởi thế cái lòng muốn thay-đổi lại càng mạnh lắm vậy.

Đại để những căn-do làm cho văn-hóa cũ của ta chóng mai-một đi như ta đã trông thấy ngày nay, là cứ như thiên-kiến thì bởi có bấy nhiêu lẽ mà thôi.

Xét ra cho kỹ, sự bỏ cũ theo mới của ta hiện thời bây giờ, không phải là không cần-cấp, nhưng vì người mình nóng-nổi, không suy-nghĩ cho chín, chưa gì đã đem phá-hoại cả đi, thành thử cái xấu, cái dở của mình thì vị tất đã bỏ đi được, mà lại làm hỏng mất cái phần tinh-túy đã giữ cho xã-hội của ta được vững-bền hàng mấy nghìn năm nay. Phàm người ta muốn bỏ cái cũ đã hàm-nát, tất là phải có cái mới tốt hơn, đẹp hơn, để thay vào. Nay ta chưa có cái mới mà đã vội-vàng bỏ cái cũ đi, thành ra đồ-nát cả, mà không có cái gì thay vào được. Ấy là cái tình-trạng nước ta ngày nay là thế, khác nào như chiếc thuyền đi ra giữa biển, đánh mất địa-bàn chỉ-nam, không biết phương-hướng nào mà đi cho phải đường cứ lênh-đênh mãi, không khéo lại bị sóng gió va vào đá vỡ tan mất cả. Đó là điều ta nên biết để tìm cách mà chữa lại được chút nào chăng.

Ngày nay ta sờ dĩ ngỡ-ngác, không biết đi về đường nào cho phải, không biết bầu-viu vào đâu để làm cốt về đường lý-tưởng là vì ta bỏ mất cái lòng tin-ngưỡng. Xưa kia ta sùng-bái đạo Nho, tin rằng cái tông-chỉ đạo ấy hay hơn cả, dẫu đem ra thực-hành không được hoàn-toàn, nhưng vẫn cho là học chưa đến, chứ không ai cho là đạo không hay. Đến nay vì thời-thế biến-đổi, cái văn-hóa của Âu-tây tràn sang, cách cư-xử, sự

hành-động đều bị cái thế-lực mới đổi khác cả đi, người ta thì cường-thịnh và khôn-ngoaan đủ điều, mà mình thì suy-nhược và thua-kém mọi đường. Nhất là về đường vật-chất, mình so-sánh với người, hơn kém khác nhau xa lắm. Người mình trông thấy thế, không xét xem sự kém-hèn của mình bởi đâu mà ra, vội-vàng bỏ những điều xưa nay mình vẫn tin-ngưỡng mà bắt-chước cái mới của người ta.

Tinh bất-chước vốn là tinh tự-nhiên của loài người, dầu ở nước nào cũng thế cả. Nhưng giả ta có sẵn cái tinh-thần tốt rồi, chỉ bất-chước lấy những điều có bổ-ích thêm cho tinh-thần ấy thì thật là hay lắm. Chỉ hiềm vì mình đề cái tinh-thần của mình hư-hỏng đi, mà lại mong bất-chước sự hành-động của người ta, thì sự bất-chước ấy lại làm cho mình dở hơn nữa. Vì đã gọi là bất-chước là chỉ bất-chước được cái hình-thức bề ngoài mà thôi, còn cái tinh-thần ở trong, phi lâu ngày nhiễm lấy được mà hóa đi, thì khó lòng mà bắt-chước được. Thành thử bao nhiêu những sự bất-chước của mình chỉ là làm loạn cả tinh-tinh, tư-tưởng và phong-tục của mình. Có lắm người vọng tưởng rằng mình có bất-chước được người ngoài, là mình làm điều có ích cho sự tiến-hóa của nơi-giống mình. Không ngờ rằng sự bất-chước vội-vàng quá, không suy-nghĩ cho chín, lại thành cái độc gây ra các thứ bệnh cho xã-hội của mình. Đó là một điều lầm-lỗi của số nhiều những người tân-học thời nay. Mà sự lầm-lỗi ấy chỉ mỗi ngày là một thêm ra chứ không bớt đi được.

Mỗi một dân-tộc có một cái tinh-thần riêng, cũng như mỗi cây có cội-rễ ăn sâu-xa xuống dưới đất. Hễ cây nào cội-rễ tốt, hút được nhiều khi-chất thì cành lá rườm-rà, cây nào cội-rễ xấu, hút không đủ khi-chất để nuôi các phần-thân-thể thì tất là cành lá còi-cọc đi. Tinh-thần của một dân-tộc cũng vậy, gây thành từ đời nào không thể biết được, lưu-truyền mãi mãi mới thành ra kết-quả ngày nay. Dân-tộc nào cường-thịnh là vì đã biết giữ cái tinh-thần của mình được tươi-tốt luôn; dân-tộc nào suy-nhược là vì đã để cái tinh-thần hư-hỏng đi, không biết tìm cách mà nuôi nó lên. Nay ta muốn biết

tại làm sao mà phương Tây phú-cường, phương Đông suy-nhược, thì tưởng ta phải biết rõ cái tinh-thần Nho-giáo và cái tinh-thần Tây-học khác nhau thế nào.

Văn-hóa của Nho-giáo chủ ở sự theo thiên-lý mà lưu-hành, cốt giữ cái tinh-cảm cho hậu, trọng những điều đạo-đức, nhân-nghĩa, ưa cái tinh chất-phác và những việc giản-dị. Bởi thế cho nên cái tinh-chất người mình hay trì-thủ, thích sự yên-lặng, chỉ vụ lấy được hòa-bình mà sinh-hoạt ở đời. Cái văn-hóa ấy rất thích hợp với cái tinh-tinh của những dân-tộc chuyên nghề canh-nông như dân-tộc ta. Văn-hóa phương Tây chủ ở sự theo nhân-dục mà hành-động, cốt lấy sự mở-mang nhân-trí làm trọng, dùng lý-trí mà suy-xét mọi điều, để tìm cách ngăn-ngừa những cái thế-lực tự-nhiên, lập thành một cuộc sinh-hoạt rất hùng-cường. Bởi vậy các môn khoa-học rất thịnh-hành, nhân-dân chuộng những điều tri-xảo, số nhiều người tài giỏi khôn-ngoaan, mà ai cũng muốn sự hoạt-động mạnh-mẽ. Cái văn-hóa ấy thích-hợp với tinh-tinh của những dân-tộc chuyên về việc công-nghệ và việc thương-mại. Văn-hóa của Nho-giáo thì có thể làm cho đời người tuy không được rực-rỡ chói-lọi cho lắm, nhưng thường làm cho người ta có cái sinh-thú rất hay. Văn-hóa phương Tây thì làm thành cuộc đời rất mỹ-lệ, tài-trí đều mở-mang, cái gì cũng theo qui-cử xếp-đặt thành ra cơ-thể chắc chắn vững-vàng. Nhưng cũng vì thế mà sự cần dùng càng ngày càng thêm ra, sự cạnh-tranh rất kịch-liệt, sự sinh-hoạt có lắm điều phiền-phức, nhân-sinh hình như lúc nào cũng chật-vật vất-vả, không mấy khi trong bụng được nhàn-hạ thư-thải.

Hai cái văn-hóa ấy thật là tương-phản với nhau, và bên nào cũng có sở-trường và sở-đoản cả. Nhưng cái gốc thịnh-suy là bởi cái lối theo khác nhau. Người mình xưa kia chỉ biết trì-thủ một mặt đạo-đức mà không nghĩ đến sự tiến-thủ về đường tri-tuệ và khoa-học, thành thử lâu ngày cái tinh-thần hư-hỏng, đến nỗi cái sở-đoản không bỏ đi được mà cái sở-trường cũng mất mòn đi. Người ta thì cứ gắng sức tiến-thủ về đường tri-tuệ, tuy vẫn có cái sở-đoản, nhưng cái sở-trường

càng ngày càng tăng lên. Bởi đó mà thành ra cuộc ưu-thắng của người và cuộc liệt-bại của mình vậy. Giá sử nay ta biết hồi tỉnh lại, cố gầy lấy cái sở-trường của mình, và lại học thêm lấy cái sở-trường của người, thì chắc có thể dần dần gầy nên cái tinh-thần tốt-đẹp mạnh-mẽ, đủ làm cho ta cũng cường-thịnh được. Là vì một đường ta không bỏ mất cái căn-bản đã tạo-lác ra tâm-tinh của ta, một đường ta lại học được thêm cái hay của người, để theo thời mà biến-đổi cho thích-hợp với cái lẽ đương-nhiên, như vậy thì dầu thế nào, cái kết-quả về sau cũng có phần hay được.

...

Nay ta muốn biết rõ cái sở-trường và cái sở-đoản của Nho-giáo, thì chỉ bằng ta thử xét kỹ xem cái nguyên-ủy từ đâu khởi-phát ra làm sao, về sau biến-đổi ra thế nào, và cách ta thi-hành cái đạo ấy sai-lầm từ đâu. Như thế ta có thể hiểu rõ được cái phần tinh-túy của Nho-giáo và biết được tại làm sao mà thành ra hư-hỏng. Đó là cái chủ-đích của bộ sách này.

Ngày nay ta bàn đến Nho-giáo thì cũng chỉ xét những điều thiết-thực về đường luân-lý và chính-trị, chứ không mấy khi bàn đến phần đạo-lý tối cao của Nho-giáo. Thành thử ta chỉ hiểu được cái phần thiên-cận mà thôi, còn cái phần thâm-viễn thì vẫn mập-mờ không rõ. Vậy nên trước khi bàn đến Nho-giáo theo như chính-văn trong các Kinh Truyện, ta hãy nói lược qua tông-chỉ đạo ấy sở-chủ về những điều gì.

Nho-giáo là một học-thuyết có thống-hệ và có phương-pháp. Cái thống-hệ của Nho-giáo là theo cái chủ-nghĩa thiên địa vạn vật nhất thể và cái phương-pháp của Nho-giáo thường dùng là phương-pháp chứng-luận, lấy thiên-lý lưu hành làm căn-bản. Nhưng phải biết rằng học-thuật của ta thường hay chú-trọng ở lối dùng trực-giác. Sự tư-tưởng trong học-thuyết cũng như phương-pháp trong mỹ-thuật, phải dùng trực-giác mà xem cả toàn-thể, thì mới thấy cái tinh-thần. Nếu dùng lý-trí mà suy-xét từng bộ-phận một, thì thường không thấy rõ gì cả. Thí-dụ xem những bức hội-

họa của Tàu, nếu lấy trực-giác mà xem, thì thấy có nhiều vẻ thần-diệu lắm, nhưng lấy cái lý-trí mà suy-xét, thì không ra thế nào cả. Vì rằng cái vẽ của Tàu chủ lấy cái đẹp cái khéo ở tinh-thần, chứ không cốt ở cái chân-hình bề ngoài. Có khi đối với cái hình-thức thì không được đúng lắm, nhưng đối với cái tinh-thần cả toàn thể, thì thật là tinh-xảo vô cùng. Về đường học-vấn cũng vậy, phần thì người Tàu thường hay theo trực-giác mà tư-tưởng, rồi rút các ý-từ vào mấy câu tổng yếu rất vắn-tắt để làm cốt, thành ra khi đọc những câu ấy phải lấy ý mà hiểu ra ngoài vắn-từ mới rõ được hết các lẽ; phần thì lối chữ độc âm, tượng hình, tượng ý của Tàu khó khiến cách lập ngôn theo đúng được những sự vận-động của tư-tưởng và bực - bạch được hết các ý-từ. Cũng bởi thế, cho nên mới nói rằng: bắt dĩ từ hại ý, nghĩa là xem sách phải lấy ý mà lĩnh-hội cho rõ cái tư-tưởng của người làm sách, chứ không nệ ở vắn-từ mà bỏ sót ý. Lối Tây-học thì không thế, nhất nhất là phải theo lý-trí mà suy-luận, lần theo sự-lý nọ sang sự-lý kia, liên-tiếp dặt-diu nhau. Cách lập ngôn lại sáng rõ, là nhờ lối vắn-từ rất tinh-tế, dễ khiến, lời với ý lúc nào cũng theo sát nhau được, bao nhiêu sự vận-động của tư-tưởng cũng có thể tả rõ ra được phân-minh hết cả. Bởi thế cho nên những người đã quen lối Tây-học, xem sách Hán-tự, cho những học-thuyết của Tàu không có phương-pháp. Đó là bởi không hiểu rõ cái lối học của người Tàu, chủ ở sự phải suy-nghĩ ra mà hiểu, phải lấy ý mà hội, chứ không chủ ở sự theo lý-trí mà suy-luận và phụ-diễn hết cả ra ở vắn-từ. Kỳ thực thì tư-tưởng của người Tàu vẫn có phương-pháp, nhưng phương-pháp ấy chỉ cốt ở trong tinh-thần cả toàn-thể, chứ không ở hình-thức từng bộ-phận có thể phân-tích ra được như lối vắn-từ của Tây. Vậy muốn tìm cái phương-pháp của Nho-giáo, thì phải dùng trực-giác mà xem, phải lấy ý mà hội, thì thấy rõ mối liên-lạc trong các đoạn tư-tưởng, tuy về phần hình-thức thì lỏng-lẻo, rời-rạc, nhưng về phần tinh-thần thì suốt từ đầu đến cuối chỉ là một mà thôi.

Nho-giáo cho vũ-trụ sở dĩ có là vì có cái lý độc nhất tuyệt-đối. Lấy nghĩa cùng-tột hết cả, thì gọi lý ấy là Thái-

cực ; lấy nghĩa bao-quát khắp cả thế-gian, thì gọi là Thiên ; lấy nghĩa làm chủ-tể và vạn vật thì gọi là Đế, hay là Thiên-đế. Song lý ấy siêu-việt vô cùng, không sao biết rõ được cái tĩnh-thể là thế nào, cho nên Nho-giáo công-nhận có lý ấy, rồi chỉ xét cái động-thể của lý ấy đã phát-hiện ra để làm tông-chỉ. Tông-chỉ ấy chủ ở đạo nhân, có sẵn cái trực-giác để hiểu lẽ biến-hóa của trời đất, khiến cho lúc nào cũng theo được lẽ ấy mà vẫn đặc kỳ trung. Ấy, đại-khái tông-chỉ của Nho-giáo là thế. Nay nhân tiện ta xét qua cái triết-học đã phát-hiện ra ở bên Tây, xem hai bên giống nhau và khác nhau thế nào.

Vào cuối thế-kỷ thứ IV và đầu thế-kỷ thứ V trước Tây-lịch kỷ-nguyên, trong khi ở nước Tàu có Khổng-tử phát-huy ra cái học-thuyết của Nho-giáo thì ở bên Âu-tây có những nhà hiền-triết người xứ Hy-lạp như bọn ông **Héraclite** thuộc phái **Ioniens** cũng đề-xướng lên cái học-thuyết lấy sự biến-hóa trong vũ-trụ làm chủ-nghĩa, cho vạn vật chỉ có động, chứ không có tĩnh, và cho ngoài sự biến-hóa của vạn vật ra thì không có gì là thực cả.

Thuở ấy lại có những người như bọn **Parménide** và **Zénon D'Elée** thuộc phái **Eléates** xướng lên cái học-thuyết phản-đối với học-thuyết của phái **Ioniens**, cho vạn vật đều là ảo-ảnh cả, chỉ có cái lý độc nhất là thực có mà thôi. Hai phái ấy công-kịch nhau rất kịch-liệt.

Cùng đồng thời với hai phái ấy, lại có **Pythagore**, tỉ-tổ phái **Pythagoriciens**, lấy số-học mà lập ra cái học-thuyết theo chủ-nghĩa thiên-địa vạn vật nhất thể (*panthéisme*) cho vạn số cùng đồng một thể với cái lý độc nhất.

Sau những học-phái ấy, vào cuối thế-kỷ thứ V trước Tây-lịch kỷ-nguyên, có **Socrate** khởi xướng ra đạo nhân-sinh triết-học, lấy nhân-sự làm trọng, còn việc ngoài nhân-sự là việc của Trời, người ta chỉ nên chú-ý về sự tìm lẽ chi thiên trong đạo luân-lý để làm chuẩn-đích cho sự hành-vi ở đời. Ông lấy sự mình tự biết cái bản-tính của mình (*connaiss-toi toi-même*) làm cơ-bản sự học luân-lý.

Vậy đem những tông-chỉ của các học-phái ấy ở Tây-phương mà so với tông-chỉ của Nho-giáo, xem ra Nho-giáo có tông-hợp được cả những lý-tưởng vừa nói trên kia. So với phái **Ioniens** thì Nho-giáo theo sự kinh-nghiệm mà nhận cái lẽ biến-hóa của vạn vật làm chân-lý, nhưng trên cái chân-lý ấy lại nhận có cái chân-lý tuyệt-đối là lý Thái-cực làm chủ-tể cả vũ-trụ. So với phái **Eléates** thì Nho-giáo tuy nhận có lý Thái-cực, nhưng cho lý ấy siêu-việt quá, nhân-tri không thể biết rõ được cái tĩnh-thể của lý ấy ra thế nào, vậy nên chỉ xét cái động-thể của lý ấy cho vạn vật do sự biến-hóa của thiên-lý mà sinh ra, và vạn vật tuy không phải là cái thực có tuyệt-đối thường-định, nhưng cũng là cái thực có tỉ-lệ vô thường.

Nho-giáo dùng Dịch-học, lấy cái vạch đứt và cái vạch liền mà biểu-thị sự biến-hóa của thiên-lý, và lấy số cơ-ngẫu mà tính ra vận-mệnh xoay-vần của thế-gian, tức là tương hợp với số-học của phái **Pythagoriciens**. Nhưng có một điều hơi khác là Nho-giáo cho vạn vật do Trời sinh ra, song cái này cũng có tính-cách tự-độc để hành-động, mà theo cho hợp thiên-lý, mà sau khi chết rồi, hình như cái tinh-thần vẫn còn giữ cái tính-cách đặc-biệt mà lưu-hành, mà biến-hóa, chứ không hỗn-hợp hẳn vào Đại-toàn-thể, như cái lý-tưởng của học-phái «thiên-địa vạn vật nhất thể» ở bên Tây.

Nguyên cái học của Nho-giáo vẫn có hai phần : Phần hình-nhi-thượng học và phần hình-nhi-hạ học. Phần hình-nhi-thượng học thường là phần tâm-truyền (1) nói về những lẽ huyền-bi của tạo-hóa, thì đề riêng cho số ít người có tư-cách đặc-biệt tự lĩnh-hội lấy được cái đạo-lý sâu-xa. Phần hình-nhi-hạ học tức là phần công-truyền nói về cái nhân-

(1) Nên phân-biệt cái học tâm-truyền và cái học bí-truyền. Tâm-truyền là cái học nói những điều cao-siêu, rồi để người ta tự tâm hiểu lấy, chứ không giảng-dạy nhiều lời ; bí-truyền là cái học đem cái bí-quyết của một pháp-thuật gì truyền riêng cho một vài người. Cái học bí-truyền có thể dịch ra tiếng Pháp là *enseignement ésotérique* và cái học tâm-truyền thì có thể dịch là *enseignement intuitif*.

sinh triết-học, thì đem dạy chung cả cho mọi người. Không-tử có nói rằng ngài không giấu-giếm ai điều gì, nhưng phải hiểu rằng có điều ngài đem ra giảng-dạy hằng ngày, có điều ngài chỉ nói một vài lần rồi thôi, không nói nữa. Xem như thầy Tử-Cống nói : « Phu-tử chỉ ngôn tinh dữ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã », thì rõ là cái đạo của ngài có một phần chỉ để riêng cho những người tâm-đắc mà thôi. Môn-đề ngài có người nói trong sách Luận-ngữ rằng : « Tử hãn ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân » hoặc là : « Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần » v. v. , là vì những điều ấy thuộc về cái học tâm-truyền, cho nên ngài ít nói đến. Cũng bởi thế những sách nói về thiên-đạo như kinh Dịch và sách nói về nhân-đạo như kinh Xuân-thu đều là sách dạy cái học tâm-truyền cho nên lời văn rất văn-tắt, ý-nghĩa rất khó hiểu, chỉ có những người đã được truyền thì mới hiểu rõ mà thôi. Cái học tâm-truyền ấy đến hết đời Mạnh-tử thì không ai học được nữa. Vì thế hậu-nho xem những sách ấy không hiểu hết các ý-nghĩa, rồi mỗi người bàn ra một cách, thành thử cái học càng ngày càng sai-lạc đi mãi.

Vậy cái học tâm-truyền của Nho-giáo ngò hầu tương-tự như cái học của **Pythagore**, mà cái học công-truyền của Nho-giáo là cái học nhân-sinh triết-học, chú-trọng về nhân-sự, lấy sự chính tâm tu thân làm gốc, thật là tương-hợp với cái học của **Socrate**, cốt lấy luân-lý làm trọng.

Dẫu ngày nay ta không thể biết được cho thật tường-tận các cái lý-tưởng về phần tâm-truyền của Nho-giáo đời trước, nhưng theo những điều ta còn sờ-cột được ở trong các Kinh Truyện thì ta cũng có thể biết là Nho-giáo có một phần uyên-bác lắm, và lại có thống-hệ rất rõ-ràng : lấy lý Thái-cực làm căn-bản độc nhất, rồi xét cái động-thể của lý ấy, biết rõ sự biến-hóa của vạn vật, suốt đến cái lẽ vạn vật đều bầm-thụ một phần thiên-lý, và tìm thấy cái mối chi thiện trong thiên-lý để làm mục-đích cho đạo luân-lý của loài người.

Tóm lại mà nói thì học-thuyết của Nho-giáo có ba điều cốt-yếu. Về đường tin-ngưỡng, thì có cái quan-niệm thiên

nhân tương dữ ; về đường thực-lẽ, thì lấy sự thực-nghiệm làm trọng ; về đường tri-thức, thì lấy sự trực-giác làm cái khiêu biết đối với các sự-vật.

Về cái quan-niệm thiên nhân tương dữ của Nho-giáo, thì ai xét không kỹ tưởng là cũng giống như cái học-thuyết thiên-địa vạn vật nhất thể (panthéisme) của những nhà triết-học bên Âu-châu về thế-kỷ thứ XVII và XVIII vừa rồi, như **Spinoza** người nước Hòa-lan, **Fichte** và **Hegel** người nước Đức. Cái học-thuyết ấy cho Trời với vạn vật cùng đồng một thể, và cái bản-thể của Trời hiển-hiện ra trong sự biến-hóa của vạn vật. Cái học ấy có lý-thuyết rất cao, nhưng chưa đúng hẳn cái lý-thuyết của Nho-giáo đời trước. Nho-giáo dẫu theo cái lý-thuyết thiên-địa vạn vật nhất thể, nhưng chỉ nói vạn vật chịu một phần thiên-lý của Trời phú cho mà thôi, chứ Trời vẫn là một thể độc-lập. Tuy có nói thiên-lý lưu-hành khắp cả vũ-trụ, là một cách nói cái ý cho Trời ở đâu cũng có, mà lúc nào cũng có sự biến-hóa và sự hành-động, nhưng không bao giờ nói Trời ở trong vạn vật, mà cũng không bao giờ nói vạn vật chung-qui lại hợp thành một thể với Trời. Trời với vạn vật tuy đồng lý đồng khí, nhưng vẫn riêng, tựa như con một cha mẹ sinh ra, đồng khí đồng huyết, thể mà vẫn khác nhau. Nho-giáo chỉ nói rằng : Trời sinh ra người có phú tinh cho, tức là phú cho một phần thiên-lý. Phần thiên-lý ấy là cái tâm, là cái tinh-thần của người ta. Nhờ cái tinh-thần ấy người ta mới biết cái cội-gốc của người là do ở Trời, và người với Trời có thể tương cảm tương ứng với nhau. Nhưng người ta bao giờ cũng có tư-cách đặc-biệt để tự cường tự kiện mà hiểu-biết, mà hành-động cho đến chí thành, chí thiện. Những người tu-dưỡng đến bậc chí thành, tức là những người giữ được cái bản-tinh của mình thuần-túy như của Trời phú cho, thì có thể giúp được việc hóa-dục của Trời. Sự sống chết chỉ là việc biến-hóa tự-nhiên của trời đất. Chết là hư-hỏng cái hình-hài mà thôi, còn cái tinh-thần vẫn không mất, và vẫn giữ được cái tinh-cách riêng của mình mà lưu-hành, mà tiến-hóa.

Những người đã tu đến bậc nhân, bậc thánh, thì sau khi chết rồi lên ở trên Trời, như trong kinh Thi nói rằng : « Tam hậu tại thiên » hay là « Văn-vương trắc giáng tại Đế tả hữu ». Chính là cái nghĩa cho tinh-thần người ta không bao giờ mất vậy.

Nho-giáo tuy không nói rõ, song xét kỹ ra thì hình như cho là hễ người ta mà ai cố-gắng tu-dưỡng thì cái tinh-thần lên đến Trời, mà không thì cứ chìm-đắm ở chỗ vật-chất, không thoát-ly ra được. Thiết tưởng đó là cái vi-chỉ của Nho-giáo nói ở chương XX, XXI và XXII trong sách Trung-dụng là sách nói về cái triết-học rất cao của Nho-giáo.

Về cái quan-niệm trọng thực-nghiệm thì Nho-giáo vốn có cái tông-chỉ chủ-trọng về đường thực-tế. Có người cho cái học trọng thực-nghiệm ấy chính là cái học của **Auguste Comte**, người nước Pháp, xướng-lập ra trong thế-kỷ thứ XIX vừa rồi, cho sự tìm nguyên-nhân của tạo-hóa là không sao thấy được, chỉ bằng cứ xét sự thực và các công-lệ tự-nhiên để làm cái học của người ta. **Auguste Comte** theo cái lý-tưởng ấy mà lập ra một môn triết-học lấy sự thực-nghiệm làm chủ-nghĩa, lấy sự biến-hóa của nhân-loại làm tông-chỉ và lấy sự thờ những bậc thượng-tri làm tông-giáo. Do triết-học ấy mà ông lập thành một đạo luân-lý rất cao, chủ ở lòng thí-xã và lòng bác-ái. Đem học-thuyết ấy mà so với đạo luân-lý của Nho-giáo thì có nhiều điều giống nhau thật, song tinh-thần thì có khác, là vì Nho-giáo tuy trọng sự thực-nghiệm, nhưng vẫn lấy thiên-lý làm cơ-bản, vẫn nhận có Trời làm chủ-tề, và vẫn lấy sự giữ bản-tính cho đến bậc chí thành làm cốt-yếu. Vậy về đường tinh-thần, Nho-giáo vẫn có phần cao hơn và có thể khiến người ta cố gắng được hơn cái thực-nghiệm của **Auguste Comte**.

Nho-giáo sở dĩ biết rõ đạo Trời cùng cái lẽ chi thiện trong đạo luân-lý, mà biết một cách rất rõ-ràng chắc-chắn, là vì chủ-trọng ở cái khiếu biết tự-nhiên của Trời phú cho. Cái khiếu biết ấy gọi là lương-tri, theo lối nói ngày nay, gọi là trực-giác, tức là sự biết rất nhanh, rất rõ, suốt đến cái

tinh-thần cả một toàn-thê. Lấy cái khiếu biết ấy mà xem-xét mọi sự-vật, nghĩa là lấy con mắt tinh-thần mà trông suốt đến cái tinh-thần của các sự-vật, thì không bao giờ sai được. Cách dùng trực-giác như thế cần phải có công-phụ lắm, vì phải bỏ hết cái tư tâm tư dục đi, rồi đem tinh-thần mình-mẫn của mình chú vào tinh-thần của sự-vật mình xét, thì mới thấy rõ được cái chân-hình chân-tướng của sự-vật ấy.

Cái học dùng trực-giác của Nho-giáo có phần tương-hợp với cái học của **Henri Bergson** là một nhà triết-học trứ danh ở nước Pháp, đã phát-huy ra ở bên Âu-châu ngày nay, chủ lấy trực-giác mà xét các chân-lý. Tuy rằng lối Tây-học thì bao giờ cũng tinh-vi và dùng phương-pháp khoa-học hơn, nhưng đó là phần hình-thức bề ngoài, chứ lấy phần tinh-thần mà so-sánh cái học của Nho-giáo với cái học của **Henri Bergson**, thì thấy có nhiều điều không xa nhau là mấy. Ta càng xem kỹ cái học của **Henri Bergson**, ta lại càng thấy rõ cái phần cao-minh của Nho-giáo.

Nhưng đây chỉ nói lược qua đại-ý của các học-phái bên Tây để độc-giả biết cái tinh-thần Tây-học cùng với tinh-thần Nho-giáo tương đồng tương dị là thế nào, mà phê-bình và phán-đoán cho khỏi sai-lầm. Chủ-ý là để làm cho rõ học-thuyết của Nho-giáo, chứ không phải là để ké-cứu cho tương-tận các học-phái bên Tây. Song cứ bình-lĩnh mà xét, giả sử đem bóc-lột cái vỏ văn-từ của Tây và Đông khác nhau đi, rút lấy cái tinh-thần của Nho-giáo và các học-thuyết ở Tây-phương đã nói trên kia, thì thấy cái tư-tưởng của nhân-loại dẫu Đông Tây mặc lòng, có lắm khi cũng rung-động theo một dịp tương-tự như nhau, và thường hay gặp nhau ở trên một con đường vậy. Chỉ khác nhau ở sự thực-tiến, mỗi phương có một phong-thờ, có một tập-quán, chớ nên sự hành-động không được tương hợp. Những sự khác nhau ấy há chẳng phải là thiên-lý lưu-hành biến-hóa, tùy thời mà điều-hòa cho vạn sự các đặc kỳ sở hay sao? Khác là khác hình-thức ở bề ngoài, chứ tinh-thần chủ-động ở trong thường cũng là một mà thôi. Vậy bất kỳ đông-học hay tây-học, nếu

ta biết lấy cái tinh-thần mà suy-xét mọi sự-vật, ắt là ta biết rõ cái tông-chỉ của các thánh-hiền đều chủ ở sự làm cho cao phẩm-giá của nhân-loại. Các nhà tân-học nước ta ngày nay tưởng không nên vội-vàng cho cái học cũ là dở, chỉ nên suy-xét cho kỹ, xem cái hay cái dở do từ đâu để tìm cách bồi-bổ thêm vào thì chắc sự học-vấn tương-lai của người mình ắt có thể tiến-ích vậy.

...

Nho-giáo từ đời Xuân-thu trở đi, nhờ có Khổng-tử đem phát-huy ra làm thành một học-thuyết có tông-chỉ rõ-ràng, có thống-hệ phân-minh, cho nên về sau nói Khổng-giáo tức là nói Nho-giáo.

Khổng-tử ngắm cảnh-tượng của tạo-hóa mà xét việc cở kìm, đặt được lẽ biến-hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái đạo ấy mà hành-động, khiến cho nhân-sự và thiên-lý cùng thích-hợp với nhau theo đạo thái-hòa trong vũ-trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bẩm-thụ cái lý-khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương cảm tương ứng với nhau được. Sự tương cảm tương ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư-dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý-trí mà tính-toán những điều hơn thiệt riêng của mình thì cái tinh-thần rối-loạn đi, cái trực-giác thành ra ám-muội, dẫu có cảm có ứng, ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nên tư-dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì cái trực-giác thành ra mãn-nhuệ, trông cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu-xa, u-uẩn.

Giữ được thái-độ điều-hòa và cái bình-hành hoàn-toàn, tức là giữ được cái trung. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt-động mà lưu-hành theo thiên-lý, rồi cứ đón-đốc tinh-cảm cho thật hậu, thì tất là đến bậc nhân. Người nào tu-dưỡng đến bậc nhân, thì tinh-thần rất hoạt-động, xem-xét điều gì cũng biết rõ thực hư, và sự hành-vi bao giờ cũng hợp với đạo thái-hòa của trời đất. Đã nhân mà lại thành là bậc thánh. Thành là chân-thực, đúng như cái lý tự-nhiên của

trời đất. Người chỉ thành tức là người đã khiến mình trở nên thuần-tùy như nguyên-tinh của Trời phủ cho, thì tự khắc biết được hết cái tinh của muôn vật, và có thể giúp sự hóa-dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là thánh. Tông-chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thể mà thôi. Còn những điều hiểu nghĩa lễ tri trung tin đều bởi đó mà ra cả.

Cứ như ý-kiến của Khổng-tử, thì vạn vật ở trong vũ-trụ cứ biến-hóa theo lẽ điều-hòa và lẽ tương-đối mà lưu-hành mãi mãi, không lúc nào nghỉ. Thiên-đạo đã không nhất-định, thì ở đời có việc gì là việc nhất-định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành-động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn thì sự hành-vi của ta bao giờ cũng được trung-chính. Làm việc gì cũng giữ cho trung-bình, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập, ấy là theo cái đạo trung-dụng rất phải rất hay. Khổng-tử đem tông-chỉ ấy mà lập thành một cái đạo nhân-sinh triết-học tức là cái đạo luân-lý rất êm-ái, rất hòa-nhã, đủ làm cho người ta có cái vẻ thư-thải vui-thải, không có những điều lo-sợ buồn-bõ.

Có người nói rằng Nho-giáo đã theo thiên-lý mà lưu-hành đề cầu lấy sinh-thú ở đời, thì sao không đề cho người ta được phóng-khoáng tự-do như Lão-giáo, mà lại đem nhân nghĩa lễ nhạc đề hạn-chế sự hành-vi của người ta làm thành ra có lắm điều câu-thúc khó chịu. Xin trả lời rằng Nho-giáo sở dĩ khác Lão-giáo chỉ bởi có thể mà thôi. Lão-giáo thì cầu lấy sự phóng-khoáng tự-do, không muốn bận đến mình, cho mọi việc đã có Đạo là cái chỉ cao chỉ cường làm chủ-trương rồi. Nho-giáo thì cho nhân nghĩa lễ nhạc là cái dụng của thiên-lý, mình có làm được những điều ấy thì mới theo được thiên-lý mà lưu-hành. Vậy cái sinh-thú của mình là cầu lấy được thung-dung tự-đắc ở trong những điều ấy. Còn những sự câu-thúc vụn-vật, thì không phải là tông-chỉ của Nho-giáo, đó chẳng qua là về sau những người nho-học hiểu lầm cái tông-chỉ ấy cho nên mới bó-buộc mình vào những lễ-nghĩ chật-hẹp, làm cho sai-lạc mất cái tinh-

thần thuần-tùy của Nho-giáo. Kỳ thực là những điều nhân-nghĩa lẽ nhạc có cái ý-nghĩa rất sâu-xa rất rộng-rãi, ai đã theo được con đường ấy mà đi, là không có điều gì là câu-thức khó chịu cả. Xét ra cho kỹ, Nho-giáo trọng những điều nhân nghĩa lẽ nhạc, chính là một việc rất quan-hệ về đường tâm-lý-học. Đã hay rằng việc sinh-hóa do ở thiên-lý, nhưng người ta ai cũng có tư-dục. Nếu không có cái gì giữ cái tư-dục cho có chừng-mức, và khiến người ta biết theo đường thẳng mà đi, thì rồi dần dần tư-dục mạnh lên, đem ta đi vào những đường quanh-co, lâu thành ra không biết đường nào là phải mà đi nữa. Bởi thế thánh-nhân mới định rõ thế nào là nhân, thế nào là nghĩa. Nhân là để cho được yên và vui, nghĩa là để cho biết điều trung-chính mà làm. Lại định ra lễ để gây thành những tình-cảm tốt, đề tài-chế sự hành-vi của người ta và để phân ra trật-tự cho phân-minh, không có điều gì hồ-đồ rối-loạn; chế ra nhạc để khiến trên dưới điều-hòa mà cùng nhau hành-động cho thích-hợp với cái đạo thái-hòa của trời đất. Nhân nghĩa lẽ nhạc tự-hỗ những con đường đã làm sẵn, đi ngang đi dọc thế nào đã có nêu, có mốc chỉ rõ cả rồi, ta cứ yên lòng mà đi, không phải nghi-ngờ lo-sợ điều gì nữa. Ấy là một cách làm cho ta ung-dung ở trong qui-cử, tức là được yên và vui. Đã được yên và vui, rồi cứ theo lẽ tự-nhiên của tạo-hóa mà đối thời dục vật, như thế chẳng phải là gây thành một cái sinh-thú ở đời hay sao?

Ta nên biết rằng cái học của Khổng-tử chủ ở đạo nhân. Nhân là cái thể yên-lặng, rất dễ cảm dễ ứng, mà bao giờ cũng có tình-cảm rất hậu, đối với sự-vật gì cũng có lòng cảm-xúc, và hành-động lúc nào cũng trùng tiết và hợp thiên-lý. Người có nhân thì có trực-giác rất mãn-nhuệ, cái gì thoáng qua cũng trông thấy rõ-ràng, hiểu-biết ngay được mọi ý-nghĩa tinh-vi và suốt đến cái công-lý chung cả toàn thể, không phải từ từ lần theo từng mỗi một, mới thấu tới cái chân-lý. Người không có nhân thì trực-giác mờ tối, trông cái gì cũng không thấy rõ ngay được, cho nên mới phải dùng lý-trí mà suy-tinh những điều tư lợi.

Lý-trí là cái năng-lực để suy-luận mà biết mọi việc. Song lý-trí chỉ hiểu-biết được tinh-chất và hình-thể ở bề ngoài của các sự-vật mà thôi. Bởi thế cho nên lý-trí chỉ cho ta biết được những cái mà ta có thể định được nghĩa, tức là chỉ cho ta biết được cái vỏ ở ngoài, chứ không cho biết được cái tinh-thần linh-hoạt ở trong các sự-vật. Cái tinh-thần ấy có khi tự-nhiên ta biết được, mà không có thể nói rõ ra được. Thường những điều ta nói ra được, hoặc vẽ ra được, lại không phải là cái tinh-thần nữa. Vậy nếu ta bỏ trực-giác là cái biết của tâm, mà chỉ chuyên dùng lý-trí, thì thường hay làm cho ta sai-lầm.

Đây ta phải hiểu rõ cái học của Khổng-tử thường lấy nhân, tri, dũng làm ba cái đạt-đức của người quân-tử. Vậy cái tri tự-nhiên hợp với thiên-lý rất quý. Song người đời hay có ý xuyên-tạc, dùng tri mà làm những việc đa sự, trái với lẽ thường, cho nên mới thành ra dở. Mạnh-tử là người tự xưa đến nay hiểu đạo Nho hơn cả, nói rằng: « Cái đáng ghét trong cái tri là bị cái ý xuyên-tạc, chứ như cái tri trị thủy của vua Vũ, thì không có điều gì là đáng ghét. Vua Vũ trị thủy làm điều vô sự, nghĩa là cứ thuận cái tình của nước mà cho nước chảy. Cái tri ấy thật là lớn vậy ». (Mạnh-tử, Ly-lâu hạ).

Cái tri xuyên-tạc ấy là cái tri-thuật, tương-phản với cái tri tự-nhiên. Hễ lúc nào ta bỏ mất cái tri tự-nhiên đi mà dùng tri xuyên-tạc, thì cái tri xuyên-tạc ấy cứ tùy-tùng cái tư-dục mà khiến người ta thiên về đường tư-lợi, thành ra làm mất cái lẽ điều-hòa, cái bình-hành tự-nhiên.

Vậy nên Khổng-tử chủ dạy người ta cầu lấy đạo nhân, đề theo trực-giác mà hành-vi, nghĩa là cầu lấy tri tự-nhiên hơn là cầu lấy cái tri-thuật để suy-tinh những điều hơn-thiệt. Cái tri-thuật thường hay mượn cái lý-trí để làm tối mất chân-lý. Lý-trí của người ta dẫu minh-mẫn thế nào, cũng có giới-hạn, không hiểu-biết được nhanh và sâu-xa như trực-giác.

Có lắm điều cứ đề tự-nhiên theo trực-giác thì biết rõ ngay được, mà dùng lý-trí để suy-xét, thì nghĩ-ngợi mãi không ra manh-mối. Là vì những sự biết gần-tiếp và sâu-xa là thường do trực-giác, chứ không phải là do lý-trí. Song khi đã biết điều gì rồi, tất phải dùng lý-trí mà kiểm-soát lại, để biết cho rõ những điều đã do trực-giác mà biết. Bởi vậy không nên quá tin ở lý-trí, sợ nó làm mất cái trung, tức là không thích-hợp với cái lý tự-nhiên của trời đất. Người ta mà chuyên-trọng lý-trí thái quá, thì có thể khôn-ngoaan tinh-xảo lắm thật, nhưng càng khôn-ngoaan tinh-xảo bao nhiêu thì lại càng làm cho đời người thành ra một cuộc chiến-đấu rất thể-thảm bấy nhiêu, không lợi gì cho cái sinh-thú ở đời.

Thiết-tưởng đó là cái đặc-sắc của Khổng-giáo. Không phải là xưa nay người Tàu không biết có cái học-thuyết nào khác nữa, xem như về cuối đời Xuân-thu, cùng gần đồng thời với Khổng-tử, đã có Mặc-tử xướng-lập lên một học-thuyết, tưởng đời nay chắc hẳn có nhiều người sùng-bái. Nhưng Khổng-giáo thì chủ lấy trực-giác mà theo thiên-lý, Mặc-giáo thì chủ lấy lý-trí mà khiến nhân-dục. Khổng-giáo thì cứ đề tùy cảm mà ứng, cốt cầu lấy sự ứng-dụng thư-thái, Mặc-giáo thì bất cứ việc gì cũng tìm cái lẽ để làm gì, hay làm thế nào, trí-não cứ phải suy hơn tính thiệt, lúc nào cũng phải lo nghĩ, được cái này muốn cái nọ, bụng người ta thật là chật-vật vât-vả. Khổng-giáo muốn tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên, cầu lấy trật-tự phân-minh, trên dưới hòa-thuận, Mặc-giáo cầu lấy sự tiến-thủ, lo hạn-chế thể-lực tự-nhiên, thật là thích-hợp với tư-tưởng và cuộc sinh-hoạt ngày nay vậy. Hai học-thuyết ấy đã xung-đột nhau, để chiếm lấy thế-lực ở xã-hội nước Tàu trong hàng mấy trăm năm. Nhưng vì Khổng-giáo có phần cao-minh hơn và lại thích-hợp với tính-tình người Tàu, cho nên mới chiếm được địa-vị độc-tôn, mà Mặc-giáo thì phải tiêu-ma đi mất.

Xét ra cho kỹ, thì đạo nhân của Khổng-tử có cái sở-trường là đem nhân-đạo điều-hòa với thiên-đạo, làm cho đời người có cái vẻ ung-dụng thư-thái. Nhưng trong cái

sở-trường ấy có những sở-đoan, thiết-tưởng ta cần phải biết. Một là đạo nhân không phổ-thông được cho đại đa-số của nhân-chúng, chỉ có một phần ít người có tư-cách đặc-biệt mới tu được đến bậc nhân mà thôi, con người thường vẫn cứ bị vật-dục quyến-dũ, hay khuynh-hướng về đường công-lợi. Tuy thành-nhân có dự-bị lễ-nghĩa để tái-chế cái tư-dục của người ta, cho khỏi chệch-lệch thái-quá, song cái thể-lực của lễ-nghĩa cũng không lan ra được đến hạng người hạ lưu không có học-thức. Thành-thử phần nhiều người trong xã-hội vẫn đắm-đuối ở trong vật-dục, mà đạo thành-hiến tuy hay thật, nhưng không thi-hành được khắp thiên-hạ. Hai là một cái học-thuyết chú-trọng trực-giác như Nho-giáo, thì chỉ thi-thố ra được ở thời-đại nhân-dân còn có tính chất-phác, sự làm-ăn còn giản-dị, chứ khi nhân-trí đã biến-thiên, khoa-học đã thịnh-hành, cuộc sinh-hoạt thành ra phiền-phức như thời nay, thì cái học-thuyết ấy vị tất đã có mấy người chịu theo, mà có theo nữa, cũng chưa chắc đã theo được đúng. Vì là trực-giác tuy có gần-tiếp, các nhà học-vấn thời nay vẫn cần đến luôn, song nó chỉ là lợi-nhưn cho một hạng người iñhượng-tri dùng được mà thôi, còn số người thường thì dùng trực-giác không được chắc-chắn. Dùng trực-giác, thì chỉ cậy ở tia sáng của tinh-thần mà thôi, nhưng khi mà tâm người ta không chính, ý không thành, thì biết đâu tia sáng ấy lại không bị thể-lực của tập-quán hay thể-lực khác làm cho nó không chiếu đúng vào chân-lý được. Vậy nên phải dùng lý-trí mà kiểm-soát những điều mình đã biết, để biết chắc sự biết của mình là xác-thực. Bởi thế cho nên ngày nay người ta tuy vẫn công-nhận trực-giác là cách để hiểu-biết rất quý, rất tốt, nhưng vẫn cần phải dùng lý-trí để thí-nghiệm hoặc để phân-tích những lẽ mình đã biết, cho rõ-ràng chắc-chắn. Song phải cần có một điều là đừng để cho lý-trí làm nô-lệ tư-dục, thì sự dùng lý-trí là một việc rất hay. Tưởng ý ấy không trái tóng-chỉ của Nho-giáo, vì Nho-giáo cốt phải tùy thời mà biến-đổi để cho hợp đạo trung. Vậy thì nay ta phải dùng cả trực-giác và lý-trí. Trực-giác là để biết, mà lý-trí là để

kiểm-soát. Đó là phương-pháp của khoa-học ngày nay phải như thế. Không có phương-pháp ấy không phải là khoa-học.

Nay ta ở vào thời-đại khoa-học đang tiến-bộ, ta không thể trở lại theo lối sinh-hoạt thời cổ được. Song cái tinh-thần của Nho-giáo vốn có phần rất mỹ-mãn, và đã có rễ ăn sâu-xa vào tủy-não của người mình. Nếu ta không hiểu tinh-thần ấy cho đến nơi đến chốn, chưa gì đã vội đem cắt bỏ đi, thì vị tất đã lợi cho tương-lai của xã-hội mình. Vậy nên mong rằng ta giữ được cái nền đạo-đức cũ mà tham-chước với sự sinh-hoạt đương thời, để cho tâm với trí cùng tiến-hóa, cùng điều-hòa được với nhau, thì có lẽ cái đạo của thánh-hiền cũng có thể sáng rõ ra được, và nhân-loại không đến nỗi lờ-mờ như người đi đêm vậy. Nho-giáo trọng sự chính tâm, tu thân, nhưng vẫn lấy điều tri-trí, cách-vật làm cốt-yếu. Vậy đem Nho-giáo mà dung-hợp với khoa-học ngày nay, tưởng cũng không phải là trái với tông-chỉ của Khổng Mạnh, phải tùy thời mà biến-đổi. Miễn là lúc nào cũng giữ lấy nhân-nghĩa làm gốc, thì càng thay-đổi bao nhiêu lại càng thích-hợp với cái chủ-nghĩa của Nho-giáo bấy nhiêu.

...

Nho-giáo truyền đến đời Tây-Hán, vì nhờ có quân-chủ bảo-hộ mới thịnh-hành dần dần lên. Song lúc Hán-sơ, Lão-giáo và Mặc-giáo còn đang có thế-lực, Nho-giáo chưa chiếm được độc-quyền ở trong xã-hội Tàu. Đến cuối thế-kỷ thứ hai trước Tây-lịch kỷ-nguyên, vua Vũ-đế nhà Hán nghe lời thỉnh-cầu của Đồng Trọng-Thư, mới bắt các học-giả phải chuyên-trì lục nghệ và bãi-truất bách gia. Từ đó về sau Nho-giáo thành ra quốc-giáo và những người nho-học mới chiếm được địa-vị tôn-trọng ở triều-đường. Kế đến đời Đông-Hán vào quãng thế-kỷ thứ nhất sau Tây-lịch kỷ-nguyên, Nho-giáo mới thật là cực thịnh. Vì thuở ấy không những là những người nho-học được trọng-dụng ở triều-đình mà thôi, còn có các danh-nho mở trường dạy học, môn-đề có khi

đông đến hàng mấy ngàn người, đem Nho-giáo truyền-bá ra khắp chỗ dân-gian. Ấy là thời-đại Nho-giáo thịnh đến cực điểm.

Song cũng vì Nho-giáo chiếm được cái quyền độc-tôn, mà thành ra có nhiều điều hư-hỏng. Vì theo lẽ tự-nhiên của trời đất, thì trong thế-gian không có cái gì là cái không biến. Có biến thì mới sống, không biến là chết. Đó là cái lẽ huyền-bí của tạo-hóa, dầu có muốn thế khác, cũng không sao được. Học-thuyết, tông-giáo, chính-trị nào cũng vậy, hễ không theo công-lệ ấy, đều là hư-hỏng cả. Phàm khi đã nhận một cái hình-thức làm nhất-định, ai cũng cho là hoàn-toàn, không dám phê-bình đến, không dám sửa-đổi gì nữa, lâu ngày thành ra cái vỏ cứng, rồi cứ khó dần đi, không có cái khi sinh-hoạt làm cho ngày ngày càng mới thêm, càng tươi-tốt thêm, thì tất là cái tinh-thần mất mòn đi, sau chỉ còn có cái xác không mà thôi. Ấy là chính lúc Nho-giáo cực thịnh, tức là lúc bắt đầu suy vậy.

Về sau các học-giả lại thiên về mặt khoa-cử, tuy nói là chỉ lấy Nho-giáo làm cốt, song chỉ chuyên-trì về đường từ-chương thi-phủ, gây thành cái học hư-văn. Mãi đến thế-kỷ thứ XI và XII sau Tây-lịch kỷ-nguyên, bọn Tống-nho vì có cái ảnh-hưởng Lão-học và Phật-học, mới đem tinh-thần Nho-giáo mà phát-huy ra. Nhưng tập-tục đã lâu đời, cái lưu-lệ vẫn không bỏ đi được, và bọn Tống-nho lại thường hay câu-nệ về những tiểu-tiết, thành-thử cái tông-chỉ của Nho-giáo cứ sai-lầm mãi. Tuy vậy, bọn Tống-nho cũng đã vãn-hồi được ít nhiều cái tinh-thần của Nho-giáo cũ, nhưng sau thời-đại trung-hưng ấy. Nho-giáo qua sang đời Minh, đời Thanh, lại kết thành một thứ vỏ khô, cứng-cỏi hơn trước. Bởi thế cái tinh-thần lại càng suy-nhược lắm nữa.

Đến nay thời-cực biến-đổi, thế-lực tân-học mạnh lên, lòng người thiên về đường trí-xảo, tình-cảm càng ngày càng đơn-bạc, văn-hóa vật-chất cực thịnh. Nho-giáo tự-hồ cái nhà cũ đã hằm-nát hết cả, động đến là đổ bẹp xuống. Đó là lỗi của bọn Nho-học không biết theo đúng tông-chỉ của

Khổng-tử, phải tùy thời mà biến-đổi cho hợp lẽ tự-nhiên, cho nên mới thành ra kết-quả tời-tụy như ngày nay. Giả-sử ta biết nhận cái lỗi ấy, rồi tìm cách mà sửa-đổi lại cho hợp thời, thì biết đâu sau này Nho-giáo dung-hòa với khoa-học, lại không thành ra cái học có giá-trị lắm hay sao ?

Dẫu thế nào mặc lòng, có một điều là ai đã hiểu tường-tận tông-chỉ Nho-giáo, thì cũng phải công-nhận là một đạo rất cao-minh của nhân-loại đã phát-huy ra từ xưa đến nay. Tuy rằng người ta đem thi-hành ra không được hoàn-toàn, có nhiều người hiểu lầm, song ai đã tâm-đắc cái tinh-thần, thì cũng có cái nhân-cách tôn-qui đặc biệt, khác hẳn người thường.

Đó là việc sau này ta sẽ xét rõ theo từng thời-đại. Nay hãy nói qua tông-chỉ của Nho-giáo để độc-giả biết cái đại-cương. Vì có biết tông-chỉ của Nho-giáo sở-chủ về lẽ gì, thì sau xem các mục, các tiết, mới biết rõ được các manh-mối.

THIÊN I

THƯỢNG-CỔ THỜI-ĐẠI

Chính - thể nước Tàu về thời mới khai - sáng.

Nguyên lúc đầu người Tàu ở phía tây-bắc tràn xuống miền Hoàng-hà đánh-đuổi người Miêu-tộc ở bản-xứ đi rồi mỗi họ chiếm giữ lấy một chỗ để làm khu-vực của mình. Họ nào cũng có người tộc-trưởng làm đầu, cai-quản cả người trong họ ở khu-vực ấy, gọi là *hậu* 后, tức là ông vua một xứ nhỏ. Những xứ nhỏ ấy có đến hàng nghìn, hàng vạn, cho nên mới gọi là *van bang* 萬邦. Các ông hậu ấy lại chọn lấy một ông hậu khác có tài, có đức, lập lên làm *đế* 帝 tất cả các nước gọi là *nguyên-hậu* 元后, về sau xưng là *thiên-tử* 天子. Các hậu gọi là *chư-hậu* 諸侯, ai ở nước nào trị nước ấy, nhưng phải phục-tòng mệnh-lệnh nguyên-hậu và hàng năm phải triều-cống.

Hậu trị một nước, hay đế trị cả thiên-hạ đều theo cái chế-độ gia-tộc. Nhà thì có cha làm chủ, coi cả các con. Trong các con có đứa lớn đứa nhỏ: lớn là anh, nhỏ là em. Anh có quyền sai-bảo em, em phải phục-tòng anh. Nước thì có vua làm chủ, có quan để coi mọi việc, giúp vua mà trị dân. Ở trong nước cũng như ở trong nhà, bao giờ cũng phải giữ tôn-ti trật-tự rất nghiêm, nhưng cha phải bảo-thủ quyền-lợi của các con, vua phải bảo-thủ quyền-lợi của dân. Con thì yêu-kính cha, dân thì tôn-kính vua. Đại để việc chính-trị của dân-tộc Tàu về đời thượng-cổ giản-dị và rõ-rệt như thế.

Tin Trời và quỷ-thần. Song việc chính-trị chỉ giữ được trật-tự bề ngoài mà thôi, còn như sự sống-chết bất thường, việc cát-hung, họa-phúc, lắm khi không biết tự đâu xảy đến, sự làm-ăn lại khó-khăn, khi lo-sợ, lúc ốm-dau, thường không phải là tại việc chính-trị mà sinh ra, tất là người ta đổ cho tại cái thế-lực gì ở ngoài cuộc nhân-sinh chủ-trương những điều ấy. Bởi thế mới có sự tin quỷ, tin thần, và sự cúng-tế cầu-nguyện v. v. Phàm ở trong trời đất, cái gì có hình, hoặc là vận-động được như mặt trời, mặt trăng, sao, núi, sông, sấm, chớp, gió, mưa v. v. là người ta cho có thần cả; và cho những thần ấy đều can-thiệp đến sự sinh-hoạt của người. Đó là cái lòng tin-ngưỡng của dân-tộc nào lúc đầu cũng thế.

Đã có người, lại có quỷ, có thần, thì tất là có một cái thế-lực nào nữa rất to hơn, chủ-trương cả toàn-thể trong vũ-trụ. Cứ lý tự-nhiên mà suy ra: nhà có cha, nước có vua, thiên-hạ có đế, thì vũ-trụ phải có một đấng nào làm chủ. Nhưng vũ-trụ mênh-mông mà chỗ nào cũng thấy tầng trời xanh-xanh bao-bọc khắp cả mọi nơi, người ta mới nghĩ ra ông Trời. Chắc lúc đầu người Tàu cũng cho ông Trời như là một ông Nguyên-hậu ở dưới trần-gian này, vậy nên mới gọi ông Trời là Đế, hay là Thượng-đế. Thượng-đế ở trên trời cai-quản cả bách thần và vạn vật ở trong vũ-trụ, và lại là một đấng chi-nhân hay thương dân. Kinh Thi nói rằng: «*Hoàng hỹ Thượng-đế, lâm hạ hữu hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mại* 皇矣上帝,臨下有赫,監觀四方,求民之莫. Đức Thượng-đế rất lớn, soi xuống dưới rất rõ-ràng, xem-xét bốn phương để tìm sự khốn-khổ của dân mà cứu giúp». Vậy nên người bao giờ cũng phải kính và sợ Trời. Kính Trời và sợ Trời là cơ-bản đạo-dức của người Tàu.

Tư-tưởng về vũ-trụ. Nhưng đó vẫn là quan-niệm thuộc về phần hình-thức, chưa phải là lý-tưởng của những bậc hiền-triết. Dần dần về sau những người trí-thức

nghĩ-ngợi sâu-xa, mới hiểu rằng không lẽ ông Trời lại nhỏ-hẹp như người ta và cũng có hình-dáng như ta được, tất là một cái lý chi-linh, chí-diệu, làm chủ-tể cả muôn vật. Muôn vật sở dĩ sinh ra hay là hóa đi đều do ở cái lý ấy chủ-trương. Vậy nên mới nói rằng: Trời là bản-nguyên của muôn vật.

Vũ-trụ lúc đầu là một cuộc hôn-mông mờ-mịt, không phân-biệt ra gì cả. Trong cuộc hôn-mông ấy có cái lý quang-minh, linh-diệu vô cùng, tức là Thái-cực. Song Thái-cực là đơn-nhất, tuyệt-đối, ẩn-khuất không rõ ra, cho nên không sinh hóa được. Muốn sinh-hóa thì phải có đôi, có tương-đối, có điều-hòa. Vậy nên Thái-cực biến-hóa thành ra âm và dương. Âm dương theo lẽ điều-hòa mà sinh ra ngũ hành là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, để biểu-thị những cái khí-chất đã thành hình.

Ta nên hiểu rằng: cổ nhân dùng hai chữ âm dương là để biểu-thị hai cái tương-đối như động tĩnh, sáng tối, cứng mềm v. v. và dùng những chữ thủy, hỏa, kim, mộc, thổ là để biểu-thị những cái vật-chất có thể tương sinh tương khắc với nhau. Đại ý là để khiến người ta hiểu rằng trong trời đất phải có cái đạo điều-hòa mới sinh-hóa được. Hậu-thế nhiều người ngộ-nhận cái ý-nghĩa ấy cho âm dương và ngũ hành là cái khí nhất-định, cho nên mới thành ra nhiều sự sai-lầm.

Lúc âm dương đã phân-định thì cái khí khinh thanh lên làm trời, cái khí trọng trọc xuống làm đất, ở giữa khoảng trời đất, âm dương điều-hòa với nhau mà sinh ra muôn vật, vật nào bẩm-thụ được nhiều thanh khí thì làm thần, làm thánh, vật nào bẩm-thụ được ít thì làm người thường hay là các loài khác.

Thiên nhân tương dũ. Tự đời thượng-cổ, người Tàu đã có tư-tưởng cho người ta sinh ra ai cũng bẩm-thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy tức là một phần thiên-lý. Vậy Trời với người quan-hệ nhau rất mật-thiết lắm. Bởi thế mới lấy pháp-tắc tự-nhiên của Trời làm mô-phạm của người và cho thiên-luân là nhân-luân, thiên-đạo là nhân-đạo. Kinh Thi nói rằng:

SÁCH HIỀU BIẾT

VŨ - VĂN - HIỀN

Luật-khoa Tiến-sĩ

Luật-sư

Giám-đốc bộ Biên-tập

Đã ra :

Tiền vàng và tiền giấy

của Luật-sư VŨ-VĂN-HIỀN

Việt-nam văn-học-sử I

của Giáo-sư NGHIÊM-TOÀN

Đang in :

VIỆT-NAM VĂN-HOC-SỬ' II

thuongmaitruongxua.vn
của Giáo-sư NGHIÊM-TOÀN

Sẽ ra tiếp :

HUN VỐN LẬP HỘI

của Luật-sư NGUYỄN HUY-MAN

HỒNG-SƠN VĂN-PHẢI

của Giáo-sư HOÀNG-XUÂN-HÂN

LIÊN-HIỆP-QUỐC

của Luật-sư BÙI-TƯỜNG-CHIỀU

NHỮNG BỆNH TRUYỀN-NHIỄM

của Bác-sĩ PHẠM-KHẮC-QUẢNG

ĐIỆN

của Giáo-sư BÙI-PHƯƠNG-TRÍ

NHÀ SÁCH VĨNH-BẢO

Giá : 10\$